

UNIT 1: HOME LIFE – SPEAKING

1. Task 1 Unit 1 lớp 12

Read the following sentences and tick (✓) the ones that apply to you and your family.
(*Đọc các câu sau và tích dấu (✓) vào các câu mà có thể áp dụng cho bạn và gia đình bạn.*)

- 1. In my family, only my father works. (*Trong gia đình tôi chỉ có cha tôi đi làm.*)
- 2. Members of my family share the household chores. (*Mọi người trong gia đình đều cùng nhau làm việc nhà.*)
- 3. My responsibility in the family is to wash the dishes. (*Việc của tôi là rửa bát đĩa.*)
- 4. In my family, the interest we share closely is watching football. (*Trong gia đình tôi, sở thích chung là xem bóng đá.*)
- 5. I often share my personal secrets with my father. (*Tôi chia sẻ những điều bí mật cá nhân với cha mình.*)
- 6. I always talk to my parents before making an important decision. (*Tôi luôn hỏi ý kiến cha mẹ trước khi quyết định điều quan trọng nào đó.*)

Guide to answer

- ✓ 2. My responsibility in the family is to wash the dishes. (*Trong gia đình, nhiệm vụ của tôi là rửa chén đĩa.*)
- ✓ 4. In my family, the interest we share closely is watching football. (*Trong gia đình tôi, sự quan tâm chúng tôi chia sẻ gắn kết với nhau là xem bóng đá.*)
- ✓ 6. I always talk to my parents before making an important decision. (*Tôi luôn luôn hỏi ý kiến cha mẹ trước khi đưa ra một quyết định quan trọng.*)

2. Task 2 Unit 1 lớp 12

Work in pairs. Prepare a list of questions to ask another student to find out whether his/her family life is like yours. You want to know.

(*Làm việc theo cặp. Chuẩn bị một danh sách các câu hỏi để hỏi một bạn khác xem gia đình bạn ấy có giống gia đình em không.*)

- who works in the family (*ai là lao động chính trong gia đình*)
- who does the household chores (*ai làm việc nhà*)
- your friend's responsibility in the family (*bạn ấy làm việc gì trong nhà*)
- the interest the family members share closely (*sở thích chung của các thành viên trong gia đình*)
- the person your friend often shares his/her secrets with (*bạn ấy thường tâm sự với ai*)
- the person your friend talks to before making an important decision (*bạn ấy thường hỏi ý kiến ai trước khi quyết định điều gì quan trọng*)

Guide to answer

List of questions

- Who works in your family? (*Trong gia đình bạn, ai đi làm?*)
- Who does household chores? (*Ai làm việc vặt trong nhà?*)
- What is your responsibility in your family? (*Nhiệm vụ/ Trách nhiệm của bạn trong gia đình là gì?*)
- What the interest do your family members share closely? (*Sự quan tâm các thành viên trong gia đình bạn thường gắn gũi chia sẻ với nhau là gì?*)
- Whom do you often share your secrets with? (*Bạn thường chia sẻ những bí mật của mình với ai?*)
- Whom do you talk to before making an important decision? (*Bạn thường hỏi/ trao đổi với ai trước khi đưa ra quyết định quan trọng?*)

Dialogue

A: Can I ask you some questions about your family's life?

B: Sure. No problem!

A: In your family who works?

B: Only my father.

A: Where does he work?

B: He teaches in a secondary school.

A: I see. So who does the household chores in your family?

B: All members. I mean my father, mother and myself. We share the household chores together: each fulfills one's own duties.

A: What's your responsibility?

B: I'm in charge of sweeping the floor, washing-up, and taking out the garbage.

A: What interest do your family members share closely?

B: We usually share with one another joys and sorrows; good or bad experiences or problems we encounter.

A: Who do you often share your secrets with?

B: My mother.

A: Why not with your father?

B: As you know, the mother is the person who is the easiest and most sympathetic to share our secrets due to her motherly love. Right?

A: Alright I see. Who do you talk to before making an important decision?

B: Usually with my father and mother. The more ideas, the better the decision.

Bài dịch hội thoại

A: Mình có thể hỏi bạn một số câu hỏi về cuộc sống gia đình bạn không?

B: Chắc chắn rồi. Không vấn đề gì!

A: Trong gia đình bạn ai đi làm?

B: Chỉ có bố mình thôi.

A: Bố bạn làm gì?

B: Ông ấy dạy học ở một trường THCS.

A: Oh mình hiểu rồi. Vậy ai là người làm việc vặt, những công việc trong gia đình bạn vậy?

B: Tất cả các thành viên. Ý mình là cả bố, mẹ và mình. Gia đình mình chia sẻ công việc nhà với nhau: mỗi người hoàn thành tự nhiệm vụ của mình.

A: Nhiệm vụ/ Trách nhiệm của bạn là gì?

B: Mình có trách nhiệm quét, lau chùi nhà cửa và đi đổ rác.

A: Sự quan tâm các thành viên trong gia đình bạn thường gần gũi chia sẻ với nhau là gì?

B: Gia đình mình thường chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn, những kinh nghiệm tốt và chưa tốt cũng như những vấn đề mà mọi người đang phải đối mặt.

A: Bạn thường chia sẻ những bí mật của mình với ai?

B: Mẹ mình

A: Tại sao không phải với bố?

B: Bạn biết đấy, mẹ là người dễ dàng thông cảm nhất để chia sẻ những bí mật vì tình yêu của mẹ dành cho mình. Đúng chứ?

A: Đúng vậy, mình hiểu. Vậy bạn thường trao đổi hay hỏi ý kiến ai trước khi đưa ra quyết định quan trọng?

B: Thường thì với cả bố và mẹ. Càng nhiều ý kiến thì càng đưa ra được ý kiến tốt mà.

3. Task 3 Unit 1 lớp 12

Work with a different partner. Use the questions you have formed to ask your partner about his/ her family life. Note down the answers in the table.

(Làm việc với một bạn khác. Hãy dùng các câu hỏi trên để hỏi về cuộc sống gia đình bạn ấy. Hãy ghi chú câu trả lời vào bảng sau.)

who works in the family	both parent
who does the household chores	
your friend's responsibility in the family	
the interest the family members share closely	
the person your friend often shares his/her secrets with	
the person your friend talks to before making an important decision	

Guide to answer

Who works in your family?	Both parent
Who does household chores?	Mother, mainly
What is your responsibility in your family?	Cleaning the floor, sweeping the yard, taking out the garbage
What the interest do your family members share closely?	Joys, sorrows, good or bad experiences as well as problems
Whom do you often share your secrets with?	Mother
Whom do you talk to before making an important decision?	Both parents

4. Task 4 Unit 1 lớp 12

Go back to your original pairs. Tell each other the information you have collected. (Trở lại làm việc với bạn học đầu tiên. Kể cho nhau nghe thông tin vừa thu thập được.)

Example:

I talked to Tam. Both his parents work. But only his mother does the household chores....

Guide to answer

I've just had a talk with Minh. In his family, only his father works, and his mother does most of the household chores. His main responsibility is cleaning the floor, sweeping the yard and taking out the garbage, and sometimes helping his mother with the ironing of the clothes. His family's members enjoy watching children's programs. Whenever he has a problem, he talks with his father, but he tells his mother his secrets. When he wants to make any important decision, he asks his parents for advice. He said that his family is a very close-knit and happy one and has a great influence on him, especially in the formation of personality.

Bài dịch

Minh vừa có một cuộc trò chuyện với Minh. Trong gia đình bạn ấy, chỉ có bố bạn ấy đi làm và mẹ bạn ấy làm hầu hết các công việc nhà. Nhiệm vụ chính của bạn ấy là lau nhà, quét sân và đi đổ rác và thỉnh thoảng bạn ấy giúp đỡ mẹ ủi quần áo. Những thành viên trong gia đình bạn ấy thích xem những chương trình dành cho thiếu nhi. Bất cứ khi nào bạn ấy gặp phải vấn đề gì, bạn ấy đều tâm sự với bố, nhưng bạn ấy lại chia sẻ những bí mật của mình cho mẹ. Khi bạn ấy muốn đưa ra quyết định quan trọng nào đó, bạn ấy hỏi ý kiến và xin lời khuyên từ cả bố và mẹ. Bạn ấy nói rằng gia đình bạn ấy rất gắn bó và hạnh phúc bên nhau. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đến bạn ấy, đặc biệt là trong việc hình thành tính cách cá nhân.

5. Practice

Use some information you have collected to tell other friends in your group and ask them to guess “WHO?”

Sử dụng vài thông tin mà em vừa thu thập được để kể lại với các bạn trong nhóm và xem thử các bạn em có đoán được đó là gia đình của bạn nào trong lớp mình không?

6. Conclusion

Qua bài học này, các em cần ghi nhớ một số từ vựng quan trọng trong bài học như sau:

- to apply to sb [ə'plai]: thích hợp với ai; có hiệu quả
- interest ['intrəst] (n): sở thích
- interesting (a): thú vị

Ex: The film is very interesting

- interested (a) cảm thấy thú vị

Ex: I'm interested in the film

- secret ['si:krit] (n): điều bí mật
- to make a decision = to decide: quyết định
- upbringing ['ʌpbrɪŋɪŋ] (n): sự giáo dục, sự dạy dỗ (trẻ con)
- to get on well with: hòa đồng với
- harmonious [hɑ:'məniəs] (adj): không có sự bất đồng hoặc ác cảm